

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NÔNG CỐNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-02-2022

V/v Tranh chấp Ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NÔNG CỐNG, TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kỳ Anh.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Dệt.

2. Ông Lê Đức Thuận.

Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Ông Lê Hữu Bạo - Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 196/2021/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2021 về việc “Tranh chấp Ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐXXST-DS ngày 07/01/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2022 và Thông báo mở lại phiên tòa số 02/TB -TA ngày 08/02/2022, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị D, sinh năm 1992.

Địa chỉ: Tổ xx, phường HN, thành phố HB., tỉnh Hòa Bình.

2. ***Bị đơn:*** Anh Trịnh Văn Đ, sinh năm 1981.

Địa chỉ: thôn TL, xã TM, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Tại phiên tòa có mặt chị D, vắng mặt anh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/11/2021 và quá trình giải quyết, xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Trịnh Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, tự do tìm hiểu, tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống và có đăng ký kết hôn ngày 12/8/2014 tại Ủy ban nhân dân phường HN, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Đ không quan tâm đến vợ con, thường xuyên uống rượu say về chửi bới đánh chị, từ đó dẫn đến vợ chồng không còn tình cảm. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị và anh Đ đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, không quan tâm đến nhau. Nay chị xác định mâu thuẫn đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị được ly hôn anh Trịnh Văn Đ.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trịnh Văn Đ có 1 con chung tên là Trịnh Tú L, sinh ngày 16/7/2014. Nguyên vọng của chị D khi ly hôn là được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về phía anh Trịnh Văn Đ:* Quá trình thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng khác theo quy định của pháp luật cho anh Đ nhưng anh Đ không có nhà nên Tòa án nhân dân huyện Nông Công, tỉnh Thanh Hóa đã giao các văn bản tố tụng cho bà Vũ Thị X (*là mẹ đẻ anh Đ*). Bà X đã thông báo ngay cho anh Đ biết nhưng anh Đ không trao đổi gì với bà, anh cũng không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập của Tòa án, cũng không giao nộp văn bản nêu ý kiến của mình cho Tòa án. Vì vậy, Tòa án tiến hành xác minh tại gia đình bà Vũ Thị X ở thôn TL, xã TM, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa.

Bà Vũ Thị X cho biết: Anh Trịnh Văn Đ là con trai của bà, có hộ khẩu thường trú tại thôn TL, xã TM, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa. Hiện nay anh Đ đang đi làm ở tỉnh Hòa Bình, địa chỉ cụ thể bà không biết, anh Đ vẫn thường xuyên liên lạc về với bà.

Về hôn nhân: Anh Đ và chị D tìm hiểu nhau trên cơ sở tự nguyện, tổ chức cưới được hai bên gia đình đồng ý và có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới, anh Đ và chị D ở nhà với bà được khoảng 1 tuần rồi về quê chị D sinh sống làm ăn thì thoảng mới về thăm bà. Do vợ chồng anh Đ, chị D ở xa nên nguyên nhân dẫn đến vợ chồng mâu thuẫn bà không biết. Bà mong muốn Tòa án giải quyết cho anh Đ, chị D quay về chung sống để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Về con chung: Anh Đ và chị D có 1 con chung là Trịnh Tú L, sinh ngày 16/7/2014, cháu đang ở với chị D.

Về tài sản: Tại quê TM, anh Đ và chị D không có tài sản chung gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

+ Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong việc xác định thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định tư cách tố tụng của các đương sự. Việc thực hiện các thủ tục tố tụng như ban hành và giao các văn bản tố tụng đều đúng và đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (Viết tắt là BLTTDS). Về việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử (Viết tắt là HDXX) và Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa, HDXX và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS.

Về việc tuân theo pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của BLTTDS. Đối với bị đơn không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa vắng mặt anh Đ nhưng anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ theo khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS.

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trịnh Văn Đ. Về con chung: Đề nghị giao con cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, do chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên không đề nghị xem xét. Về tài sản và nợ chung: Chị D không yêu cầu nên không đề nghị xem xét. Chị D phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện xin được ly hôn anh Trịnh Văn Đ có hộ khẩu thường trú tại xã TM, huyện NC, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 36 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo thụ lý, thông báo về việc mở phiên họp giao nộp, tiếp cận, không khai chứng cứ và hòa giải cho anh Đ thông qua bà Vũ Thị X (là mẹ đẻ anh Đ) và bà X đã thông báo đầy đủ cho anh Đ nhưng anh Đ không chấp hành giấy triệu tập của Tòa án, không có mặt tại Tòa án để làm việc, vì vậy không có lời khai của anh Đ và không thể tiến hành được phiên hòa giải, thuộc trường hợp không thể tiến hành được phiên hòa giải theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 21/01/2022, Tòa án đã mở phiên tòa xét xử nhưng anh Đ vắng mặt, vì vậy phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Đ tiếp tục vắng mặt, do anh Đ đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa. Vì

vậy, Tòa án xét xử vắng mặt anh Đ theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 BLTTDS.

[2] Về nội dung:

[2.1] Quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị D và anh Trịnh Văn Đ kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường HN, thành phố HB, tỉnh Hòa Bình, vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp.

Đánh giá về mâu thuẫn và thực trạng quan hệ hôn nhân: Nguyên nhân mâu thuẫn theo chị D trình bày là do tính tình không hợp, trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Khi mâu thuẫn xảy ra vợ chồng chưa tìm cách giải quyết mà đã sống ly thân mỗi người một nơi dẫn đến chị D không còn tình cảm với anh Đ. Đối với anh Đ đã biết Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập anh Đ nhiều lần đến để Tòa án tổ chức hòa giải đoàn tụ nhưng anh Đ lại không đến, thể hiện anh cũng không quan tâm, tha thiết níu kéo tình cảm. Điều này chứng tỏ mâu thuẫn giữa chị D và anh Đ đã đến mức trầm trọng, đời sống chung đã chấm dứt, mục đích hôn nhân là xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc không đạt được. Nay chị D xin được ly hôn anh Đ. Vì vậy, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị D và anh Trịnh Văn Đ có 1 con chung tên là Trịnh Tú L, sinh ngày 16/7/2014 đang ở với chị D. Nguyên vọng của chị D khi ly hôn là được nuôi con, không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung. Về phía cháu Linh cũng có nguyện vọng xin được ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn.

Xét nguyện vọng của chị D về việc nuôi con chung thấy rằng: khi vợ chồng sống ly thân, con chung ở với chị D và nguyện vọng của cháu Linh cũng muốn ở với mẹ khi bố mẹ ly hôn. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của chị D, giao con chung cho chị D chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định của pháp luật, phù hợp với nguyện vọng của cháu Linh và đảm bảo tốt nhất trong việc chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cũng như tránh là sáo trộn cuộc sống của cháu khi bố mẹ ly hôn. Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị D không yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản và nợ chung: Chị Nguyễn Thị D không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, HĐXX không xem xét.

[3] Về án phí: Chị Nguyễn Thị D khởi kiện vụ án ly hôn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 116, 117 và Điều 118 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 271; khoản 1 Điều 273 BLTTDS; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQ14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Nguyễn Thị D được ly hôn anh Trịnh Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Tú L, sinh ngày 16/7/2014 cho chị Nguyễn Thị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Chị D không yêu cầu anh Trịnh Văn Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Trịnh Văn Đ có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Vì quyền lợi của con, các bên đương sự có quyền yêu cầu thay đổi nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nông Cống, tỉnh Thanh Hóa theo biên lai thu số AA/2021/0006748 ngày 13/12/2021, chấp nhận chị D đã nộp đủ án phí.

4. Quyền kháng cáo: Án xử công khai có mặt chị D, vắng mặt anh Đ. Chị D được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Đ được quyền kháng cáo bản sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Nông Cống;
- Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS Nông Cống;
- UBND P.HN, TP.HB;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kỳ Anh